

Số: 473/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2022

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Hiện nay, lúa mùa đang thời kỳ chín hoàn toàn, nông dân đang tiến hành thu hoạch và gieo trồng các cây vụ đông; ngành chăn nuôi tăng cường chỉ đạo thực hiện các giải pháp tái đàn, chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Thủy sản giữ ổn định sản lượng nuôi trồng và sản lượng thủy sản khai thác; ngành lâm nghiệp tập trung chăm sóc và tăng cường công tác bảo vệ rừng trồng.

1.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Trong 2 tuần đầu tháng 10, thời tiết có 1 đợt nắng nóng ngắn ngày với cường độ không quá mạnh, thời gian còn lại của tháng thời tiết phổ biến nắng gián đoạn, đan xen những ngày mưa dông do bộ phận tăng áp về phía Bắc nén rãnh áp thấp. Cường độ mưa không quá lớn, với thời tiết giao mùa tạo điều kiện phát sinh các sinh vật gây hại trong vụ mùa. Bà con đang tập trung đẩy nhanh thu hoạch lúa vụ mùa. Toàn tỉnh đã gieo cấy 29.734 ha lúa mùa, đạt 96,79% kế hoạch, giảm 3,2% so với cùng kỳ. Diện tích gieo cấy lúa giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất và chuyển đổi cơ cấu loại cây trồng. Lúa mùa dự kiến thu hoạch xong trong tháng 10/2022. Tính đến ngày 18 tháng 10, toàn tỉnh đã thu hoạch được 13.670 ha lúa mùa. Theo kết quả thăm đồng, ước tính năng suất vụ mùa năm nay đạt 63,33 tạ/ha, giảm nhẹ (-0,05% hay -0,03 tạ/ha) so với vụ mùa năm trước.

Ước tính, kết quả diện tích gieo trồng các loại cây trồng hằng năm vụ mùa năm 2022: Hầu hết diện tích gieo trồng cây lúa và cây rau màu các loại vụ mùa năm 2022 đều bị giảm so với cùng kỳ năm trước, riêng diện tích gieo trồng hoa các loại là 212,9 ha, tăng 37,7% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, cây rau màu và hoa các loại vụ mùa năm 2022 sinh trưởng, phát triển khá tốt.

Hình 1: Ước tính kết quả một số cây hàng năm vụ mùa năm 2022

Hiện bắt đầu bước vào mùa hanh khô, ngành chức năng tập trung chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tiến độ thu hoạch lúa mùa và tích cực làm đất, gieo trồng cây màu vụ đông. Cụ thể, phối hợp với các địa phương bám sát đồng ruộng, tăng cường công tác tuyên truyền, đôn đốc, hướng dẫn nông dân thu hoạch lúa nhanh, gọn, giảm tối đa thiệt hại do thời tiết, sinh vật hại gây ra, giải phóng nhanh diện tích đất, bắt tay trồng cây màu vụ đông kịp thời vụ. Khuyến khích tập trung ruộng đất bằng nhiều hình thức nhằm hình thành các vùng sản xuất rau màu hàng hóa, tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, góp phần nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị canh tác. Tăng cường diện tích trồng rau xanh các loại, bảo đảm đủ nguồn cung ứng cho thị trường. Thời điểm này, ngành chức năng đã chỉ đạo công tác chuẩn bị đầy đủ nguồn giống rau màu, vật tư, phân bón, bảo đảm số lượng, chất lượng, đáp ứng nhu cầu sản xuất. Đồng thời cử cán bộ kỹ thuật bám sát đặc tính của từng vùng, có những khuyến cáo, định hướng xác đáng cho nông dân về loại cây trồng như ngô, đậu tương, bầu, bí, hành, tỏi, rau xanh các loại... có thời vụ sớm; mở rộng tối đa diện tích các cây ưa lạnh như khoai tây, cà rốt có khả năng bảo quản dài, thị trường tiêu thụ tốt, vừa bảo đảm cung ứng đủ nông sản nội tỉnh, vừa xuất bán ra thị trường ngoại tỉnh các sản phẩm rau, củ, quả có giá trị kinh tế cao.

Tính đến 18 tháng 10, các địa phương trong tỉnh đã gieo trồng được 2.605,5 ha cây rau màu vụ đông, đạt 40,1% kế hoạch và bằng 117,1% so với cùng kỳ, trong đó: Ngô 186 ha, đạt 53,1% kế hoạch và bằng 88,8% so với cùng kỳ; khoai tây 510 ha, đạt 25,5% kế hoạch và bằng 346,9%; hành tỏi: 153,0 ha, bằng 112,3%; cà rốt: 1.171,5 ha, đạt 86,8% kế hoạch và bằng 152,3% so với cùng kỳ; bí các loại: 120,0 ha, đạt 34,3% kế hoạch và bằng 52,1%; rau các loại: 465 ha, đạt 11,9% kế hoạch và bằng 112,7%. Ngành nông nghiệp chỉ đạo và hướng dẫn

nông dân hiện tăng cường các hoạt động như bón phân cân đối NPK; theo dõi chặt chẽ và phòng trừ kịp thời, hiệu quả các đối tượng sinh vật hại ngay từ đầu vụ... Các đơn vị KTCTTL Bắc Đuống, Nam Đuống chủ động xây dựng phương án bơm tiêu nước đê khi mưa lớn; bảo đảm đủ nguồn nước tưới dưỡng trong mùa hanh khô, tạo điều kiện tốt nhất cho cây sinh trưởng và phát triển.

b) Chăn nuôi và hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật

Hoạt động chăn nuôi:

Trong 10 tháng qua, tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh mặc dù gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh trên đàn, gia súc, gia cầm và giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Tuy nhiên, các cơ sở chăn nuôi vẫn tập trung tái đàn để cung cấp nhu cầu của thị trường. Hiện nay, giá thịt lợn hơi cơ bản đứng giá, nhưng ở mức khá cao, đồng thời giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm vẫn có xu hướng tăng, nhất là giá trứng tăng khá cao (trứng vịt từ 40.000-45.000đ/10 quả, trứng gà ta từ 42.000-50.000đ /10 quả), cùng với giá thịt hơi cũng ở mức khá cao, đây là nguyên nhân tác động tích cực đến hoạt động chăn nuôi.

Biểu 01. Số liệu đầu con vật nuôi, gia súc gia cầm

	Đơn vị tính	Thời điểm 15/10/2022	So với cùng thời điểm năm trước (%)
Đàn Trâu	Con	2.930	101,0
Đàn Bò	”	24.430	92,1
Đàn lợn	”	291.000	103,9
Gia cầm	Nghìn con	5.800	103,6
Trong đó: gà	”	4.738	108,0

Lũy kế 10 tháng, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 53.088 tấn, tăng (+2,6%) so với cùng kỳ năm trước, riêng tháng 10 ước đạt 7.438 tấn, tăng (+8%) so với cùng tháng năm trước.

Hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật:

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không phát sinh dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi. Các biện pháp phòng, chống dịch đã triển khai cụ thể là: (1) Kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi và đàn thủy sản để có biện pháp chỉ đạo và xử lý kịp thời; (2) Rà soát tổng đàn và thực hiện tiêm phòng bổ sung các loại vắc-xin cho đàn gia súc, gia cầm. Kết quả, trong tháng qua toàn tỉnh tiêm được: 14.980 liều vắc-xin các loại cho đàn lợn, 901.030 liều vắc-xin các loại cho đàn gia cầm.; (3) Ban hành Kế hoạch tiêm phòng đại trà cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu - Đông năm 2022 trên địa bàn tỉnh; (4) Hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện các biện pháp phòng dịch, chủ

động khai báo với chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn thú y khi có gia súc, gia cầm ốm, chết không rõ nguyên nhân. Khuyến cáo người chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

1.2. Lâm nghiệp

Tháng 8, để bảo vệ diện tích rừng trên địa bàn, các ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác tuần tra, bảo vệ rừng. Đồng thời, duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân, thực hiện tốt quy ước bảo vệ rừng tại các thôn có rừng trên địa bàn toàn tỉnh. Ngành chức năng đã thực hiện phun thuốc trừ sâu đục thân cây Lát, sâu cuốn lá Long não, sâu cuốn lá cây Re trên địa bàn xã Phật Tích và xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du với diện tích 23,12 ha.

Ước tính tháng 10 năm 2022, toàn tỉnh trồng mới được 6,5 nghìn cây phân tán các loại, tăng 62,5% so với cùng kỳ năm trước. Khai thác gỗ và lâm sản: Tổng số gỗ khai thác ước tính tháng 10 năm 2022 đạt 260 m³, giảm 1,89% (-5 m³) so cùng kỳ năm trước. Củi khai thác ước tính đạt 295 ste, giảm 1,67% (-5 ste) so cùng kỳ.

Ngoài ra, ngành chức năng tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lâm nghiệp theo kế hoạch đối với 07 cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến lâm sản (*trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Hạt Kiểm lâm Tiên Phong*); xử lý 02 vụ vi phạm thủ tục trong lĩnh vực mua bán lâm sản, phạt hành chính 14 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước. Phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tổ chức 04 hội nghị tuyên truyền, phổ biến một số văn bản pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức thực hành chữa cháy rừng và các kỹ năng cứu hộ, thoát nạn khi tham gia chữa cháy với tổng số khoảng 400 đại biểu tham dự.

1.3. Thủy sản

Tháng 10, Nhiệt độ trung bình của tháng dao động trong khoảng 23,40^C-30,80^C, thời tiết mát mẻ thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của các đối tượng cá nuôi. Trong tháng không có dịch bệnh lớn xảy ra tuy nhiên, do là thời điểm giao mùa lên tại vùng nuôi cá lồng trên sông thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ; thôn Chi Nhị, xã Song Giang, huyện Gia Bình có hiện tượng cá lặn đen (cá nheo Mỹ) và vùng NTTS trong ao đất thôn Tháp Dương, xã Trung Khê; thôn Gia Phú, xã Bình Dương, huyện Gia Bình có hiện tượng cá nuôi: cá nheo Mỹ, cá chép, cá trắm cỏ, cá diêu hồng bị chết rải rác. Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh, tiếp tục đẩy mạnh thâm canh và ứng dụng kỹ thuật tiên tiến và nuôi cá lồng trên sông với nhiều mô hình hiệu quả được nhân rộng. Nhìn chung dịch bệnh được kiểm soát khá tốt. Nuôi trồng thủy sản trong thời

gian qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn; tạo thêm nhiều việc làm ổn định, tăng thu nhập của nông dân. Hiện nay, diện tích nuôi cá thâm canh trong ao đất và số lồng nuôi cá trên sông được duy trì ổn định, cơ cấu giống cá thả nuôi được người dân chú trọng để phát triển nuôi đối tượng cá có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao như: Cá nheo Mỹ, cá rô phi đơn tính, cá diêu hồng, cá chép, cá tầm, cá chiên... Về việc, tiêu thụ sản phẩm thủy sản hiện nay khá thuận lợi, nguồn cung dồi dào, đáp ứng đủ cho nhu cầu của thị trường. Giá các loại cá thương phẩm tiêu thụ ổn định và có xu hướng tăng 20 -25% so với các tháng trước và so với cùng kỳ năm 2021 (cá rô phi đơn tính loại 1 là 40.000-42.000đ/kg, giá cá chép loại 1 là 50.000-52.000/kg, cá diêu hồng loại 1 là 54.000-56.000đ/kg, cá trắm cỏ loại 1 là 52.000-55.000/kg; đặc biệt là cá nheo Mỹ tăng 100-150%, có giá là 130.000-135.000đ/kg. Giá cá ngành sông 115.000-120.000đ/kg, giá cá trắm đen, chép giòn 90.000-100.000đ/kg). Giá giống ổn định so với các tháng trước nhưng tăng cao 20-25% so với cùng kỳ, nhất là giống cá nheo Mỹ, cá chuối hoa, cá diêu hồng do phụ thuộc vào nhập khẩu, khan hiếm nguồn cung; giá thức ăn công nghiệp, nguyên liệu đầu vào khác tuy không tăng, nhưng vẫn ở mức cao.

Tính đến giữa tháng 10, diện tích nuôi trồng thủy sản có 4.786,8 ha, giảm 0,7% so với thời điểm năm trước; số lượng lồng nuôi trên sông ước tính 2.409 lồng, tăng 6,26% so với cùng kỳ năm 2021 (tăng 142 lồng). Lũy kế đến hết tháng 10, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 32.601 tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng nuôi trồng là 31.489 tấn, tăng 1,1%; sản lượng thủy sản khai thác là 1.113 tấn, tăng 6,8%.

2. Sản xuất công nghiệp

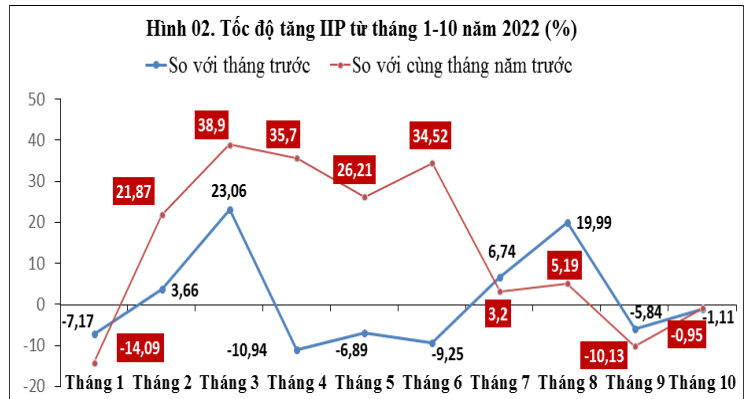
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10 giảm -0,95% (và là tháng thứ tư liên tiếp giảm) so với cùng tháng năm trước, kéo IIP 10 tháng năm 2022 xuống còn +10,27% (9 tháng năm 2022 là 11,75%). Nguyên nhân đáng kể do các doanh nghiệp lớn trong ngành SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học như sản xuất chủ yếu tập trung vào những sản phẩm truyền thống, giảm sản lượng sản phẩm giá trị cao để đảm bảo quyền lợi về giá và chất lượng cho các sản phẩm ở phân khúc thị trường cao cấp.

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Hiện nay, biến động giá nhiên liệu, nguồn cung nguyên phụ liệu nhập khẩu khan hiếm đang khiến nhiều ngành sản xuất, chế biến, chế tạo gặp nhiều khó khăn và bất ổn chính trị cũng đẩy giá leo thang, làm chậm thời gian giao và nhận

hàng đầu chính là những yếu tố gây áp lực nên hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

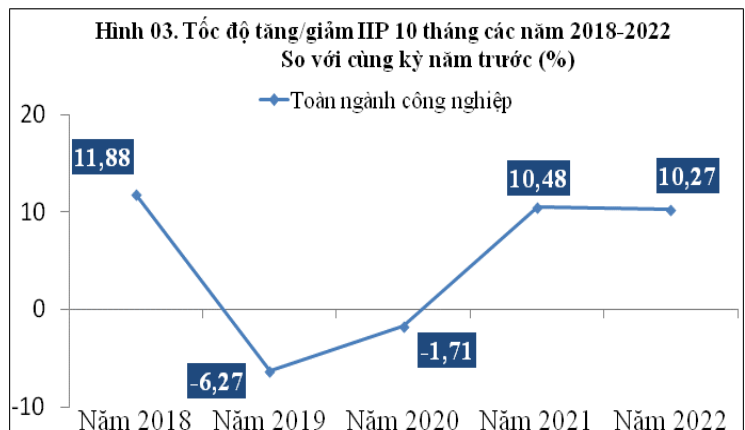
Tháng 10, IIP giảm ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (-1,11%) và (-0,95%), là tháng thứ 2 liên tiếp bị giảm ở cả hai góc so sánh, cho thấy xu hướng sản xuất công nghiệp các tháng cuối năm



chững lại, với các nguyên nhân như, hiện nay chưa có dự địa mới, quy mô các tháng cùng kỳ năm trước đạt cao. Cụ thể, diễn biến ở các ngành như sau: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, so với tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-1,1%) và (-1,05%); Ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (-4,71%) nhưng (+11,84%); Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+0,86%) và (+13,27%).

Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo. So với tháng trước, có 14/20 ngành có chỉ số sản xuất tăng, một số ngành đạt mức tăng cao là: Sản xuất chế biến thực phẩm (+13,6%), SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học (+22,68%), sản xuất thiết bị điện (+43,67%). Ở chiều ngược lại, có 6/20 ngành có chỉ số sản xuất giảm, trong đó giảm nhiều nhất là ngành sản xuất đồ uống (-26,79%) và ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (-5,7%); So với cùng tháng năm trước, các ngành tăng cao đó là: Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất (+18,05%), Sản xuất thiết bị điện (+15,47%), Sản xuất kim loại (+12,75%), Sản xuất sản phẩm thuốc lá (+10,85%). Ngược lại, một số ngành giảm nhiều như: SX trang phục (-41,01%); in, sao chép bản ghi các loại (-44,53%); sản xuất thiết bị điện (-33,08%).

Tính chung 10 tháng, IIP tăng (+10,27%) so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù đây là mức tăng khá cao. Tuy nhiên liên tiếp 4 tháng có IIP bị giảm so với tháng cùng kỳ năm trước do tình hình chính trị, xung đột vũ trang trên thế giới kèm theo các biện pháp cấm vận, trả đũa còn diễn biến phức tạp, sức ép lạm



phát cao, ở một số ngành sản xuất nguyên liệu khan hiếm, giá trị tăng cao sẽ kìm hãm sự gia tăng sản lượng sản xuất công nghiệp.

Biểu 02. Tốc độ tăng/giảm IIP 10 tháng các năm 2018-2022 so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm

	ĐVT: %				
	2018	2019	2020	2021	2022
Sản xuất trang phục	-10,09	26,66	-24,39	58,83	10,47
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	20,94	4,77	4,19	9,41	7,26
Sản xuất kim loại	6,67	-2,11	-8,01	6,66	-1,15
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	12,65	-8,01	-1,17	11,48	11,42
Sản xuất thiết bị điện	14,19	2,71	-14,62	5,18	-25,4
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-10,14	-16,84	-35,34	-22,35	3,00

2.2. Sản phẩm công nghiệp

Tháng 10, nhìn chung các doanh nghiệp công nghiệp vẫn duy trì được sản xuất ổn định. So với tháng trước, có 17/23 sản phẩm chủ yếu đạt mức tăng, trong đó, đa số các sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt mức tăng, cụ thể: Tăng cao nhất là sản phẩm đồng hồ thông minh (+31,8%), tiếp theo là điện thoại thông minh (+31,4%); so với cùng tháng năm trước, có 13/23 sản phẩm chủ yếu đạt mức tăng, trong đó có sản phẩm chủ lực của tỉnh là điện thoại di động thường (+19,1%); linh kiện điện tử (+8,4%). Các sản phẩm chủ lực của tỉnh có vị trí then chốt và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác, trong đó: Các sản phẩm điện thoại, đồng hồ thông minh, máy vi tính và linh kiện điện tử ngày càng đa dạng hóa về sản phẩm theo nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Sản lượng một số sản phẩm chủ lực trong tháng 10/2022 cụ thể như sau:

Biểu 03. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tháng 10

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 10 năm 2022	Tháng 10/2022 so với tháng 9/2022 (%)	Tháng 10/2022 so với tháng 10/2021 (%)
1. Máy in-copy	1000 cái	913	90,0	76,4
2. Điện thoại di động thường	1000 cái	5.650	110,6	119,1
3. Điện thoại thông minh	1000 cái	3.741	131,4	100,1
4. Đồng hồ thông minh	1000 cái	2.428	131,8	82,5
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	57.639	90,9	108,4
6. Pin điện thoại các loại	1000 viên	9.363	117,3	61,8

Trong 10 tháng qua, tuy sản xuất còn gặp nhiều khó khăn do giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, xung đột giữa Nga-Ukraine chưa có hồi kết, tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến khó lường, tuy nhiên nhóm hàng điện tử vẫn giữ quy mô sản xuất ở mức cao. *Tính chung 10 tháng*, sản xuất nhìn rộng ra các ngành công nghiệp cấp 2 trong tỉnh gần như phục hồi, hầu hết giữ ổn định và tăng; trong các nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo: Có trên 60% số sản phẩm đạt mức tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 50% số sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt được mức tăng. Cụ thể, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao là:

Biểu 04. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp có chỉ số tăng cao

	Đơn vị tính	Ước tính 10 tháng năm 2022	10 tháng năm 2022 so với 10 tháng năm 2021 (%)
1. Vải tuyền	1000 m ³	6.458	112,9
2. Dược phẩm có chứa Vitamin	Kg	360.721	136,3
3. Bê tông trộn sẵn	m ³	260.998	127,6
4. Máy in-copy	1000 cái	10.436	132,3
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	456.036	118,7
6. Bình đun nước nóng	1000 cái	865	132,5

Tuy các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đạt được nhiều kết quả khởi sắc nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, chi phí logistics tăng cao làm tăng chi phí SXKD; xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, sức mua của các thị trường nước ngoài giảm mạnh; dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến khó lường;... Vì vậy rất cần những chính sách hỗ trợ phù hợp từ các cấp, các ngành địa phương cũng như sự nỗ lực của các doanh nghiệp trên địa bàn để doanh nghiệp tiếp tục giữ vững sản xuất, kinh doanh trong thời gian tới.

2.3. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Hiện nay, các doanh nghiệp công nghiệp đã dần ổn định sản xuất, các khó khăn, vướng mắc cũng dần được tháo gỡ nên quy mô lao động cũng được phục hồi, thể hiện ở chỉ số lao động thời điểm 01/10/2022 so với cùng thời điểm năm trước tăng khá cao (+16,69%). Xét theo loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước so với các gốc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng thời điểm năm trước lần lượt là (+0,49%) và (+13,10%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (-0,27%) nhưng (+19,36%); riêng doanh nghiệp Nhà nước giảm nhẹ (-0,03%) và giảm nhiều (-33,84%), nguyên nhân giảm nhiều so với cùng kỳ là do ở khu vực này do có doanh nghiệp công nhân

ngỉ nhiều do thu nhập thấp và chậm thanh toán lương hiệu quả sản xuất thấp. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong doanh nghiệp các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo (-0,17%) nhưng (+17,07%); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí giữ nguyên so với tháng trước nhưng (-0,76%); ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giữ nguyên so với tháng trước nhưng (-2,75%).

Tính chung 10 tháng, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp so với cùng kỳ năm trước khá cao (+5,15%), trong đó, lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo (+5,26%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí (+0,35%); riêng ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-0,48%). Số lao động đang làm việc trong các loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước quy mô lao động tăng nhiều nhất (+10,27%); tiếp theo doanh nghiệp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (+5,79%); riêng doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lao động giảm rất nhiều (-32,65%).

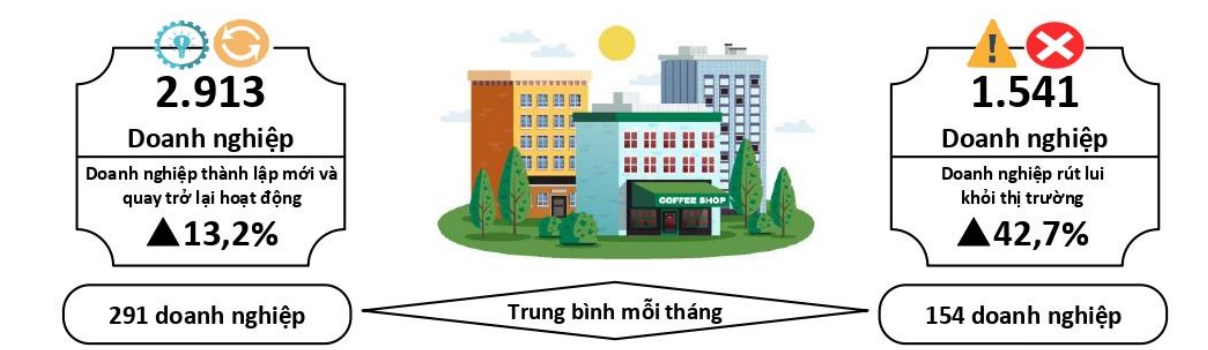
3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Đăng ký doanh nghiệp trong tháng 10 tiếp tục duy trì tín hiệu tích cực, số doanh nghiệp và quy mô vốn tăng ở cả hai góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước. Tuy nhiên, lũy kế 10 tháng mặc dù tăng khá về số lượng doanh nghiệp đăng ký nhưng lại giảm nhiều về tổng vốn đăng ký và vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp. Nguyên nhân bởi cuộc khủng hoảng năng lượng châu Âu, giá năng lượng tăng lên do nhu cầu và Nga hạn chế cung cấp khí đốt. Xung đột vũ trang Nga-Ukraine đẩy nền kinh tế châu Âu vào lạm phát tăng cao. Có thể thấy những yếu tố trên đã tác động đến tâm lý của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp khiến cho doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh tăng rất cao, còn số vốn đăng ký giảm mạnh so với cùng kỳ.

Tháng 10/2022, toàn tỉnh có 224 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký bổ sung là 1.826 tỷ đồng; so với tháng trước, tăng cả về số doanh nghiệp (+14,9%) và tăng khá cao (+39,1%) tổng vốn đăng ký ; so với cùng tháng năm trước, tăng (+9,8%) về số doanh nghiệp và tăng (+15,6%) về số vốn đăng ký. Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới đạt 8,2 tỷ đồng, so với các góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+21,1%) và (+5,3%); 49 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (+8,9%) nhưng (+16,7%); 93 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, (+43,1%) và (+69,1%); 27 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, (+42,1%) nhưng (-6,9%).

Hình 04. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

10 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước



Tính chung 10 tháng, tỉnh đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 2.170 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 17.409 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước, (+9,9%) về số doanh nghiệp nhưng (-23,2%) về tổng vốn đăng ký bổ sung. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 8 tỷ đồng, (-30,2%) so với cùng kỳ năm trước. Cũng trong 10 tháng, có 261 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, rút lui khỏi thị trường, tăng (+47,5%) so với cùng kỳ; 1.280 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động do kinh doanh không hiệu quả, tăng (+41,7%); ở chiều ngược lại, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng (+24%) tương đương với 743 doanh nghiệp. Về số lượng doanh nghiệp mới thành lập và quay trở lại hoạt động tăng so với cùng kỳ và đồng thời cao gấp gần 1,9 lần số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng kinh doanh, điều này cho thấy xu hướng hồi phục của doanh nghiệp. Ngoài ra, có 271 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình (+10,6%).

Lũy kế đến 20/10/2022, trên địa bàn tỉnh có 19.987 doanh nghiệp đã đăng ký, giảm 3,8% so với cùng thời điểm năm trước, với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 343.430 tỷ đồng, tăng 7,4% và 4.878 đơn vị trực thuộc, tăng 11,3%.

4. Đầu tư

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước (VĐTNSNN) không đạt được như kỳ vọng, mặc dù tỉnh đã ban hành Kế hoạch về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, cụ thể: Tháng 10/2022 giảm 3,7% so với cùng tháng năm trước, kéo vốn ĐTNSNN 10 tháng năm 2022 chỉ tăng 3,1%. Về thu hút đầu tư FDI 10 tháng năm 2022, số lượng dự án và vốn đăng ký mới vẫn duy trì thấp và giảm so với cùng kỳ, nhưng do vốn điều chỉnh tăng cao nên tổng vốn đăng ký và điều chỉnh vẫn tăng đột biến gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm trước.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý

Tháng 10, ước tính VĐTNSNN đạt 542 tỷ đồng, tăng nhẹ (+1,6%) so với tháng trước, nhưng lại giảm (-3,7%) so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Vốn NSNN cấp tỉnh (+4,8%) nhưng (-7,3%); Vốn NSNN cấp huyện giảm ở cả 2 góc so sánh (-4,7%) và (-2,9%); vốn NSNN cấp xã tăng ở cả 2 góc so sánh (+3,4%) và (+8,5).

Lũy kế 10 tháng, VĐTNSNN đạt 4.599 tỷ đồng, tăng (+3,1%) so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt 61,4% kế hoạch vốn NSNN do địa phương quản lý năm 2022. Mặc dù, thời gian qua, tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện nhiều giải pháp cụ thể, chi tiết nhằm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công cũng như tiến độ thi công các dự án, tuy nhiên đến nay tỷ lệ hoàn thành kế hoạch vẫn ở mức khá khiêm tốn. Ngoài vấn đề điều chỉnh, gia hạn nhiều lần nguồn vốn; quy trình thủ tục đầu tư phức tạp, kéo dài thì công tác giải phóng mặt bằng cũng đang là một trong những trở ngại ảnh hưởng đến việc triển khai thi công các công trình ở Bắc Ninh. Ngoài ra, do một số chính sách có điều chỉnh, tình trạng khan hiếm vật liệu, giá cả vật tư, nhân công xây dựng tăng nên các nhà thầu chần chừ, rồi khâu chuẩn bị đầu tư của các địa phương còn chưa tốt;...

Phân theo cấp quản lý:

- Xét theo cấp quản lý:

+ Vốn NSNN cấp tỉnh, ước đạt 2.249 tỷ đồng, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt 77,6% kế hoạch năm, trong đó, vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 2.055 tỷ đồng, giảm 9,1% và sắp hoàn thành kế hoạch, đạt 99,7%; vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 194 tỷ đồng, tăng đột biến (+58,2%) và nhưng đạt thấp 23,9%. Các công trình trọng điểm của nguồn vốn ngân sách tỉnh như: Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, TL278 (QL18-QL38); trường THCS Hàn Thuyên huyện Lương Tài; Dự án đầu tư mở rộng Bệnh viện Sản nhi tỉnh Bắc Ninh... và các công trình đề điều phòng chống bão lụt, các trạm bơm phục vụ tưới tiêu như: Nạo vét kênh tiêu Hiền Lương, xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhuế bể hút trạm bơm Vạn An...

+ Vốn NSNN cấp huyện, ước đạt 1.467 tỷ đồng, tăng 7,4% và đạt 52,1%, trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 1.372 tỷ đồng, tăng 11,8% và đạt 51,6%; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 95 tỷ đồng, giảm nhiều 31,8%, đạt 61,1%. Các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp huyện như: Đường trục chính huyện Quế Võ, Dự án đầu tư xây dựng khu đền thờ Nguyễn Cao, Trường THCS Thị trấn Phố Mới huyện Quế Võ, ...

+ **Vốn NSNN cấp xã**, ước đạt 883 tỷ đồng, tăng 24,5% và đạt 49,7%, trong đó: **Vốn cân đối ngân sách xã** đạt 848 tỷ đồng, tăng 27,7% và đạt 49,3%; **vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu** đạt 35 tỷ đồng, giảm 23% và đạt 61,1%. Các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp xã như: Đường giao thông xã Phượng Mao; cải tạo đường giao thông khu phố Yên Lã; đường giao thông khu phố Kim Thiều, đường giao thông Hương Mạc, thành phố Từ Sơn; đường trục xã đi thôn Mộ Đạo, huyện Quế Võ...

4.2. Hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài

4.2.1. Thu hút đầu tư trong nước

Tính từ đầu năm đến 20/10/2022, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 43 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 14.383 tỷ VNĐ; cấp đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 95 dự án đầu tư, trong đó có 34 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 827 tỷ đồng. *Riêng trong tháng 10*, cấp đăng ký điều chỉnh cho 02 dự án với tổng vốn đầu tư là 224 tỷ đồng; cấp điều chỉnh cho 07 dự án đầu tư trong đó có 04 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 49,8 tỷ đồng.

Lũy kế đến đến nay: Tỉnh Bắc Ninh đã cấp 1.538 dự án đăng ký đầu tư cho các nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 250.698 tỷ đồng (trong đó: Cấp Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư cho 35 dự án với tổng mức đầu tư 16.522 tỷ đồng; cấp đầu tư cho 21 dự án hạ tầng KCN nguồn vốn trong nước là 35.875 tỷ đồng).

4.2.1. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI

Biểu 07. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép

	Từ 01/01 đến 20/10/2022 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	1.760	298,4
Vốn đăng ký mới	177	33,0
Vốn điều chỉnh	1.639	1.237,7
Góp vốn, mua cổ phần	41	27,9
Thu hồi	97	43,2

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tính từ đầu năm đến 20/10/2022, toàn tỉnh đã thu hút được về số lượng là 98 dự án FDI đăng ký cấp mới (giảm 10 dự án) so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký mới đạt 177,2 triệu USD (giảm 358,4 triệu USD). Vốn đầu tư tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 60,7%; ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 108 dự án (tăng 32 dự án), với số vốn điều chỉnh tăng là 1.639

triệu USD, (tăng 1.506,6 triệu USD); góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 36 lượt (giảm 30 lượt) với giá trị là 41 triệu USD (giảm 104 triệu USD); thu hồi 39 dự án (tăng 4 dự án) với tổng vốn đầu tư là 97 triệu USD (giảm 127 triệu USD). Riêng trong tháng 10, cấp mới đăng ký đầu tư cho 13 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 7,72 triệu USD; điều chỉnh vốn cho 11 dự án với số vốn điều chỉnh tăng là 65 triệu USD; 05 lượt ra thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế với giá trị là 7,13 triệu USD; Thu hồi 04 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 3,67 triệu USD.

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 1.776 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký sau điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp đạt 23.000 triệu USD.

5. Thương mại - dịch vụ, chỉ số giá tiêu dùng; kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa

Hoạt động lưu thông, phân phối hàng hóa thuận lợi, sức mua tăng lên ở một số nhóm hàng khi chuyển mùa. Tháng 10, hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì mức tăng rất cao (+30,8%) so với cùng tháng năm trước, không có biến động nhiều so với tháng trước. Giá cả nhóm hàng nhiên liệu, năng lượng có xu hướng tăng; nhóm thực phẩm giữ ổn định. Các mặt hàng thiết yếu, cung cầu giá cả không có biến động bất thường. Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa giảm tốc trong tháng 9/2022 (do tháng 9/2021 quy mô xuất nhập khẩu đạt cao), cán cân thương mại tiếp tục xuất siêu.

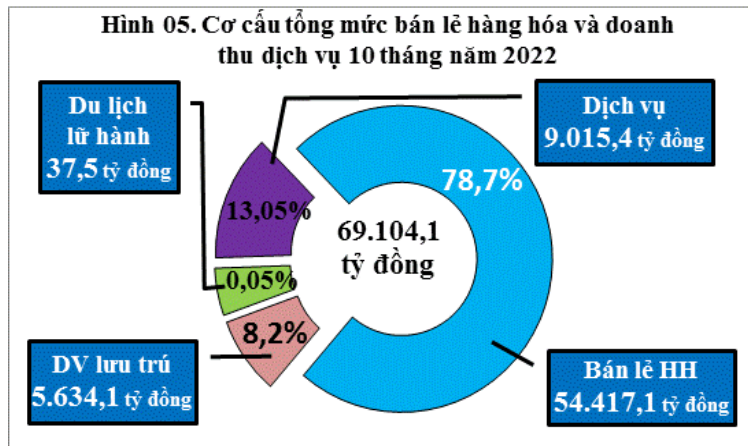
5.1. Lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ

Nguồn cung hàng hóa dồi dào, ổn định, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng của người dân toàn tỉnh. Các siêu thị, chợ truyền thống hoạt động sôi động, nhà phân phối sẵn sàng cung ứng đầy đủ các chủng loại hàng hóa cung cấp cho nhu cầu của người tiêu dùng. Sự tăng trưởng của doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng cao so với cùng kỳ là tín hiệu khả quan hỗ trợ cho phục hồi SXKD.

Tháng 10, thị trường hàng hóa trong tỉnh diễn ra khá sôi động do thời tiết chuyển rét người dân mua sắm các mặt hàng chống rét. Nhờ đó, hoạt động thương mại dịch vụ trong tháng phục hồi ở tất cả các ngành và ghi nhận mức tăng cao so với cùng tháng năm trước (Tháng 10/2021 là thời gian còn bị ảnh hưởng do dịch Covid-19). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 7.336,0 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+2,6%) và (+30,8%). Cụ thể, phân theo ngành hoạt động: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 5.899 tỷ đồng, (+2,6%) và (+38,3%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 648,7 tỷ đồng, (+1,0%) và (+20,8%); dịch vụ du lịch và lễ hành

đạt 5,3 tỷ đồng, (+4,2%), (tháng 10/2021 không có doanh thu); doanh thu các ngành dịch vụ đạt 783 tỷ đồng, (+3,2%) nhưng (-2,7%).

Tính chung 10 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 69.104 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng nhiều (+39,1%). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 54.417 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhiều nhất 78,7% trong tổng mức, tăng



41,5%; tiếp đến là doanh thu các ngành dịch vụ đạt 9.015 tỷ đồng, chiếm 13,1%, tăng 31,6%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 5.634,1 tỷ đồng, chiếm 8,2% tăng 28,6%; còn lại ngành du lịch lữ hành doanh thu đạt 37,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhỏ nhất 0,05% nhưng đạt mức tăng đột biến gấp hơn 11 lần do nhu cầu tham quan, du lịch của người dân tăng cao (cùng kỳ năm trước bị ảnh hưởng của dịch Covid-19).

Nhìn chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 10 tháng năm 2022 có quy mô và tốc độ tăng cao hơn so với cùng kỳ nhiều năm trở lại đây và tăng cao hơn so với thời điểm trước dịch bệnh (10 tháng năm 2022 tăng 39,1%; 10 tháng năm 2019 - năm trước khi xảy ra dịch Covid-19 tăng 9,7%). Giá xăng dầu không có biến động lớn đã phần nào tác động tích cực đến giá cả hàng hóa nói chung, kích thích tiêu dùng trở lại. Bên cạnh đó, việc làm và thu nhập của người dân tăng lên, thị trường du lịch mở cửa trở lại, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa không thiết yếu gia tăng đã góp phần tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.

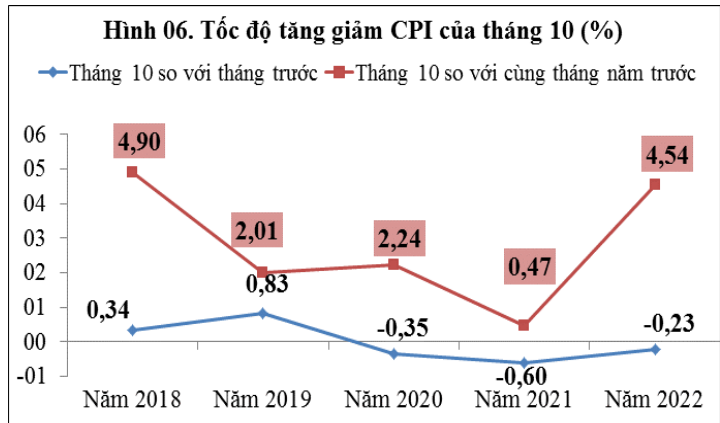
5.2. Tình hình giá cả

Thời điểm hiện nay, tình hình thị trường cung, cầu hàng hóa trên địa bàn tỉnh vẫn tương đối tốt, giá cả hàng hóa không có biến động lớn. Các ngành chức năng theo dõi sát diễn biến thị trường, cung cầu, giá hàng hóa để kịp thời có phương án xử lý các bất ổn của thị trường khi cần thiết. Bên cạnh đó, thực hiện Công điện của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tại Công văn số 2816/UBND-KTTH, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2022 giảm nhẹ 0,23% so với tháng trước, nhưng tăng khá cao so với cùng tháng năm trước 4,54% đây là mức tăng cao nhất 4 năm gần đây song chưa vượt ngưỡng 5%; giá vàng và đô

la Mỹ đồng loạt tăng giá theo xu hướng của thế giới, trong đó, giá đô la Mỹ không có dấu hiệu suy yếu.

a) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

So với tháng trước, trong mức giảm 0,23% CPI, có 5/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, cụ thể: Nhóm giao thông giảm 1,52% chủ yếu do trong tháng có 02 lần điều chỉnh giảm giá và 01 lần điều chỉnh tăng giá các mặt

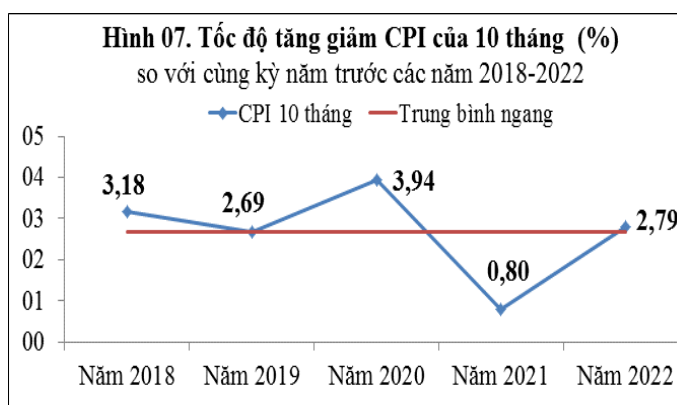


hàng xăng, dầu tính chung giá nhiên liệu (-5,81%); Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,23%) chủ yếu do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính (-1,36%), cộng thêm giá gas trong tháng tiếp tục giảm bởi ảnh hưởng giá gas thế giới đã chi phối ở thị trường trong nước nên (-1,26%) và giá dầu hoả (-5,16%) mặc dù, được điều chỉnh giảm 01 lần và tăng 02 lần trong tháng; Nhóm hàng ăn và DV ăn uống (-0,2%) chủ yếu do giá gạo các loại (-0,62%), giá thịt lợn (-2,11%) do nguồn cung tăng ở cả trong nước và trên địa bàn tỉnh; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (-0,02%) do nhóm hoa, cây cảnh (-0,93%) và nhóm giải trí (-0,3%); Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (-0,08%) do giá dịch vụ hiếu, hi (-0,26%). Bên cạnh các nhóm hàng giảm giá, một số nhóm hàng ổn định và có giá biến động tăng đã góp phần tác động đến CPI, cụ thể các nhóm hàng tăng giá là: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,11%); Nhóm may mặc, giày dép, mũ nón và nhóm thuốc và dịch vụ y tế cùng tăng 0,03% do thời tiết chuyển mùa nên nhu cầu tăng. Các nhóm hàng có giá ổn định, không thay đổi so với tháng trước là nhóm đồ uống và thuốc lá, bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục.

So với cùng tháng năm trước, CPI tăng cao (+4,54%), 100% các nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng, trong đó, các nhóm hàng có mức tăng cao là: Giáo dục (+8,4%); Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+7,49%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+5,55%) và nhóm Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+4,23%).

So với tháng 12/2021, CPI tăng khá cao (+4,04%), chỉ có 01 nhóm hàng có giá giảm là nhóm bưu chính viễn thông (-0,06%); còn lại 10/11 nhóm hàng đều tăng giá, trong đó các nhóm tăng cao đó là: Giáo dục (+8,28%); Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+5,1%) và Văn hóa, giải trí và du lịch (+5,35%).

Bình quân 10 tháng năm 2022, CPI tăng 2,79% so với bình quân cùng kỳ năm trước, có 10/11 nhóm hàng hóa dịch vụ có chỉ số tăng, tăng cao nhất là nhóm Giao thông (+11,75%); riêng nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống có chỉ số giảm (-2,37%).



b) Chỉ số giá vàng và đôla Mỹ

Giá vàng có xu hướng phục hồi khi thị trường giảm lo lắng hơn với thông tin Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể sẽ tăng lãi suất chậm lại sau cuộc họp vào tháng 11 tới làm cho giá vàng tăng nhẹ. Trong tình, biến động chung theo xu hướng biến động của giá vàng trong nước và thế giới, đồng thời trong tháng có ngày lễ 20/10, nhu cầu về vàng tăng nên tính chung giá vàng bình quân trên địa bàn tỉnh tăng 0,48% so với tháng trước. Bình quân giá vàng bán ra trong tháng ở mức 5.145.000đ/chỉ, so với cùng tháng năm trước tăng 1,44%, nhưng lại giảm 0,74% so với tháng 12/2021. *Tính chung 10 tháng năm 2022*, giá vàng tăng 2,24% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, giá đô la Mỹ đã tăng giá kể và đạt mức tăng cao nhất trong vòng 20 năm qua. Giá bán đô la Mỹ bình quân trong tháng phổ biến ở mức 24.114 VND/1 USD. *Tháng 10/2022*, giá đô la Mỹ (+1,9%) so với tháng trước, (+5,49%) so với cùng tháng năm trước và (+4,96%) so với tháng 12 năm trước. *Bình quân 10 tháng năm 2022*, giá đô la Mỹ tăng 0,97% so với cùng kỳ năm trước.

5.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa (Số bộ đến hết tháng 9/2022 trích dẫn theo nguồn báo cáo của Tổng cục Hải Quan, không có nguồn số liệu ước tính tháng 10)

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa: Tháng 9, ước tính đạt 7,5 tỷ USD, giảm 10,6% so với tháng trước và giảm 13,9% so với cùng tháng năm trước. *Tính chung 9 tháng*, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 64,4 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước tăng 9%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 9, ước tính đạt khoảng 4,2 tỷ USD, giảm 16,3% so với tháng trước và giảm 8,2% so với cùng tháng năm trước. *Tính chung 9 tháng*, kim ngạch xuất khẩu đạt 34.3 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước tăng 8,8%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9, ước tính đạt 3,3 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước và giảm 20,2% so với cùng tháng năm trước. *Tính*

chung 9 tháng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 30 tỷ USD so với cùng kỳ tăng 9,3%.

Cán cân thương mại hàng hóa: Tháng 9/2022, do xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, nên đã xuất siêu 0,89 tỷ USD, bằng 21,3% kim ngạch xuất khẩu. Tính chung 9 tháng, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,3 tỷ USD, bằng 12,6% kim ngạch xuất khẩu.

6. Giao thông vận tải

Sản lượng vận tải đường bộ, đường thủy đều đã có những bước phục hồi ấn tượng sau dịch Covid-19 với mức tăng đầy tích cực, tháng 10/2022 tăng 30,1% so với cùng tháng năm trước; tương ứng dịch vụ hỗ trợ vận tải cũng đạt mức tăng tương đương (+29,2%). Điểm sáng của hoạt động giao thông vận tải trong 10 tháng chính là sự phục hồi nhanh chóng của sản lượng vận tải hành khách và hàng hóa, cùng với dịch vụ hỗ trợ vận tải.

6.1. Sản lượng vận tải

6.1.1. Vận tải hành khách

Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động vận tải hành khách tương đối ổn định, doanh thu và sản lượng gần như quay về với thời điểm trước khi xảy ra dịch bệnh. Tháng 10/2022, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.226 nghìn lượt khách, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+5,7%) và (+30,1%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 47,6 triệu lượt khách.km, (+5,7%) và (+19,6%). Xét theo ngành: *Vận tải hành khách đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.214,3 nghìn lượt khách, (+5,7%) và (+31,5%); khối lượng luân chuyển ước đạt 47,6 triệu lượt khách.km, (+5,7%) và (+19,6%); *Vận tải hành khách đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 11,7 nghìn lượt khách, (+0,8%) nhưng (-37,1%), khối lượng luân chuyển ước đạt 0,01 triệu lượt khách.km, (+0,6%) nhưng (-25,2%).

Tính chung 10 tháng, khối lượng vận chuyển ước đạt 9.920,9 nghìn lượt khách, so với cùng kỳ năm trước (+19,6%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 371,6 triệu lượt khách.km, (-5,1%). Xét theo ngành: *Vận tải hành khách đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 9.750 nghìn lượt khách, (+23,9%); khối lượng luân chuyển ước đạt 371,4 triệu lượt khách.km, (-5%); *Vận tải hành khách đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 170,9 nghìn lượt khách, (-59,8%); khối lượng luân chuyển tương đạt 0,2 triệu lượt khách.km, (-51,4%).

Nhìn vào số liệu trên có thể thấy, sản lượng vận tải hành khách trong 10 tháng đầu năm 2022, chỉ có ngành vận tải đường bộ tăng, ngành vận tải đường thủy vẫn bị giảm so với cùng kỳ năm trước.

**Biểu 08. Sản lượng vận tải hành khách 10 tháng năm 2022
phân theo ngành vận tải**

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	9.920,9	371,6	119,6	94,9
Đường bộ	9.750,0	371,4	123,9	95,0
Đường thủy	170,9	0,2	40,2	48,6

6.1.2. Vận tải hàng hóa

Tháng 10, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 4,6 triệu tấn, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+4,6%) và (+46,6%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 224,3 triệu tấn.km, (+3%) và (+30,9%). Xét theo ngành: *Vận tải hàng hóa đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 3,6 triệu tấn, (+5,7%) và (+58,4%); khối lượng luân chuyển ước đạt 94,3 triệu tấn.km, (+5%) và (+43%); *Vận tải hàng hóa đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 1 triệu tấn, (+1%) và (+15,3%), khối lượng luân chuyển ước đạt 130 triệu tấn.km, (+1,6%) và (+23,3%).

Tính chung 10 tháng, khối lượng vận chuyển ước đạt 36 triệu tấn, so với cùng kỳ năm trước, (+28,1%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 1.903,4 triệu tấn.km, (+28,5%). Xét theo ngành: *Vận tải hàng hóa đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 26,7 triệu tấn, (+27,7%); khối lượng luân chuyển ước đạt 735,9 triệu tấn.km, (+19,3%); *Vận tải hàng hóa đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 9,3 triệu tấn, (+29,2%); khối lượng luân chuyển ước đạt 1.167,5 triệu tấn.km, (+35,1%).

**Biểu 09. Sản lượng vận tải hàng hóa 10 tháng năm 2022
phân theo ngành vận tải**

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	36,0	1.903,4	128,1	128,5
Đường bộ	26,7	735,9	127,7	119,3
Đường thủy	9,3	1.167,5	129,2	135,1

6.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

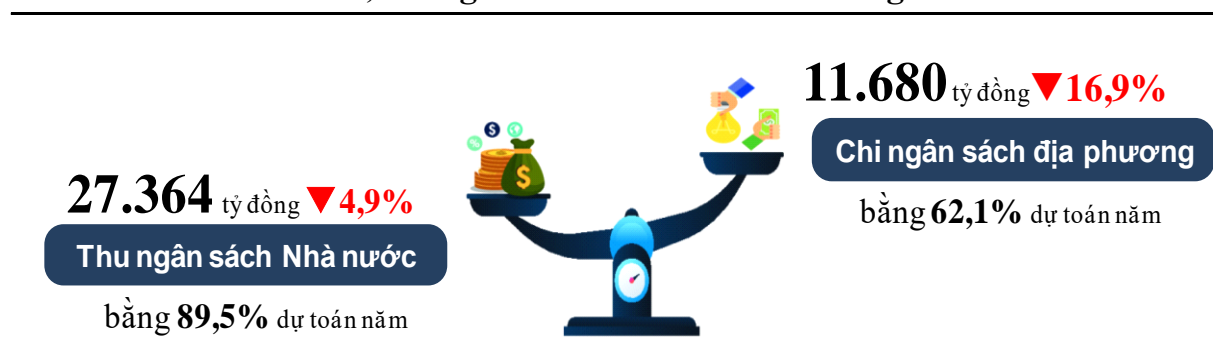
Tháng 10, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tiếp tục tăng ở tất cả các ngành vận tải và các khu vực kinh tế tại 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước. Cụ thể, tổng doanh thu vận tải kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 942 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+5,5%) và (+29,2%), trong đó xét theo ngành vận tải: Vận tải hành khách ước đạt 72 tỷ đồng, (+4,4%) và (+37,3%); vận tải hàng hóa ước đạt 381 tỷ đồng, (+8,9%) và tăng nhiều (+57,4%); dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 489 tỷ đồng, (+3,2%) và (+12,5%). Xét theo loại hình kinh tế: Khu vực Nhà nước ước đạt 17 tỷ đồng, (+1,6%) và (+31,5%); khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 490 tỷ đồng, (+7,8%) và (+52,7%); khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 435 tỷ đồng, (+3,3%) và (+10%).

Tính chung 10 tháng, ước tính doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 8.180 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước (+33,1%). Xét theo loại hình kinh tế: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 3.741 tỷ đồng, (+29,6%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 4.271 tỷ đồng, (+38%); doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 168 tỷ đồng, (+3,5%). Xét theo ngành vận tải: Ngành dịch vụ hỗ trợ vận tải có mức tăng cao nhất (+37,9%); tiếp theo là ngành vận tải hàng hóa (+29,5%); ngành vận tải hành khách (+16,2%).

7. Thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN)

Tháng 10 là thời điểm thực hiện thu các loại thuế được gia hạn thời hạn nộp như: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022 của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân theo Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ, nên tổng thu NSNN trong tháng tăng gấp gần 4 lần so với tháng trước, tuy nhiên vẫn giảm (-3,7%) so với cùng tháng năm trước. Chi ngân sách địa phương tăng không có biến động nhiều so với tháng trước tăng (+4,8%), nhưng tăng khá cao so với cùng tháng năm trước (+14,8%).

Hình 08. Thu, chi ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2022



Nguồn: Sở Tài chính

7.1. Thu ngân sách Nhà nước

Tháng 10, tổng thu NSNN đạt 6.080 tỷ đồng, so với tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+3,8 lần) và (-3,7%), Trong đó: Thu nội địa đạt 5.480 tỷ đồng, (+6,4 lần) và (-3,9%) chủ yếu thu từ các khoản thuế từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (4.200 tỷ đồng); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 600 tỷ đồng (+12,3%) và (-1,9%).

Tính chung 10 tháng, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 27.364 tỷ đồng, bằng 89,5% dự toán năm 2022, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu nội địa đạt 20.902 tỷ đồng, bằng 89,8% và (-5,9%); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 6.451 tỷ đồng, bằng 88,4% và (-1,4%). Kết quả thu NSNN trên địa bàn tỉnh tuy giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên đã tiến đến gần sát với tiến độ kế hoạch đề ra. Trong thu nội địa, một số khoản thu đã vượt dự toán đồng thời cũng vượt so với cùng kỳ như: thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTTNN so với dự toán năm và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+9%) và vượt 7,7%; Thu thuế thu nhập cá nhân (+5,1%) và vượt 19,6%; riêng khoản thu từ DNNN Trung ương mặc dù đạt tỷ lệ cao (đạt 92,6% so với dự toán năm), nhưng vẫn giảm nhiều (-52%) so với cùng kỳ năm trước. Ngoài các khoản thu được ghi nhận tích cực thì có 2 khoản thu đạt tiến độ thấp và giảm rất nhiều là: Thu thuế bảo vệ môi trường, đạt 52,5%, giảm (-69,3%); tiếp theo là thu tiền sử dụng đất, 31,3% và giảm (-67,5%) so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là

7.2. Chi ngân sách địa phương

Tháng 10, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 1.246 tỷ đồng so với các gốc so sánh tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+4,8%) và (+14,8%), trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 550 tỷ đồng, (+1,2%) và (+35,8%); chi thường xuyên ước đạt 696 tỷ đồng (+7,8%) và (+2,8%).

Tính chung 10 tháng, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 11.680 tỷ đồng, bằng 62,1% dự toán năm 2022 và giảm (-16,9%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 5.254 tỷ đồng, bằng 80,2%, (-33%); chi thường xuyên đạt 6.423 tỷ đồng bằng 60,3% và (+3,4%). Các nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước trong 10 tháng đầu năm được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch, các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN. Trong chi thường xuyên có một số khoản chi có mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Chi thể dục thể thao bằng 61,2% kế hoạch năm và (+24,2%) so

với cùng kỳ năm trước; chi văn hóa thông tin bằng 61,4% và (+45,3%); chi đảm bảo xã hội vượt dự toán năm (+27,4%) và (+42,4%).

8. Ngân hàng - Tín dụng

Cùng với sự tăng trưởng và dần đi vào ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh, tín dụng cũng có tốc độ tăng trưởng ấn tượng. Các tổ chức tín dụng hướng dòng vốn vào sản xuất kinh doanh để tạo động lực tăng trưởng bền vững, hạn chế tín dụng vào lĩnh vực rủi ro. Tính đến ngày 30/10/2022, tổng dư nợ tín dụng ước tính tăng 17,5% so với thời điểm cuối năm 2021 và tăng cao (+22,1%) so với cùng kỳ năm 2021 phù hợp với diễn biến phục hồi kinh tế. Tỷ lệ nợ xấu duy trì mức thấp 0,73% (tháng 10/2021 là 2,24%).

Tháng 10 năm 2022, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và Chỉ thị số 01/CT-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh về những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ đạo điều hành, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, NHNN tỉnh tiếp tục chủ động làm tốt công tác tham mưu với UBND tỉnh, tích cực triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế chính sách của Nhà nước, các giải pháp chỉ đạo, điều hành của NHNN và của tỉnh đến các Chi nhánh NH, QTDND, đơn vị có liên quan trên địa bàn, cụ thể: Phối hợp với NHNN Việt Nam tổ chức: (i) Hội nghị trực tuyến phổ biến, quán triệt quy định về thanh toán, chuyển tiền xuyên biên giới; (ii) Hội nghị trực tuyến về công tác tín dụng, công tác thanh tra giám sát ngân hàng 9 tháng đầu năm 2022; Các chi nhánh NH đã triển khai thực hiện kịp thời quyết định mới số 1607/QĐ-NHNN ngày 23/9/2022 của NHNN về lãi suất huy động, theo đó, lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,5%/năm; mức lãi suất tối đa với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng và 5,0%/năm, đồng thời tiếp tục triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất theo chỉ đạo của Hội sở chính; ngày 19/10/2022, NHNN Chi nhánh tỉnh đã tham mưu giúp UBND tỉnh Bắc Ninh tổ chức thành công Hội nghị Kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, thúc đẩy chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ với sự tham gia và chủ trì của UBND tỉnh, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện gửi về NHNN Việt Nam và HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, UBND tỉnh.

Các NH, TCTD trên địa bàn chủ động, tích cực triển khai các giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. Ước tính đến cuối tháng 10, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 205.900 tỷ đồng, (+0,3%) so với tháng trước, đồng thời (+6,2%) so với cùng tháng năm trước và (+7,2%) so với

thời điểm cuối năm 2021, trong đó: Tiền gửi cá nhân đạt 95.930 tỷ đồng, (+1,3%), (+1,2%) và (-1,1%); tiền gửi của các tổ chức đạt 104.400 tỷ đồng, (+0,2%), (+11,3%) và (+16,8%); nguồn vốn huy động khác đạt 3.000 tỷ đồng, (-20,4%), (-7,1%) và (-13,4%); phát hành giấy tờ có giá đạt 2.570 tỷ đồng (-6,6%), (+28,5%) và (+11,6%).

Tính đến cuối tháng 10/2022, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt 144.700 tỷ đồng, (+0,3%) so với tháng trước, (+22,1%) so với cùng tháng năm trước và (+17,5%) so với thời điểm cuối năm 2021, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 99.200 tỷ đồng, (+0,2%), (+28,3%) và (+20%); dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt 45.500 tỷ đồng, (+0,5%), (+10,4%) và (+12,2%). Cơ cấu tín dụng duy trì theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ tích cực DN và người dân, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh, tỷ trọng dư nợ các lĩnh vực Nông nghiệp - Công nghiệp xây dựng - Thương mại dịch vụ tương ứng là 5,6%-34,2%-60,3%.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN Việt Nam và của Hội sở chính trong triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi, cũng như ngăn ngừa rủi ro nợ xấu. Ước tính đến cuối tháng 10, nợ xấu trên địa bàn là 1.052 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,73% tổng dư nợ cho vay.

9. Một số vấn đề xã hội

9.1. Lao động, giải quyết việc làm, an sinh xã hội

Lao động và giải quyết việc làm: Các ngành chức năng tiếp tục tăng cường các biện pháp công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đặc biệt đối với công nhân lao động của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp; hỗ trợ đối với người lao động, người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tập trung tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị giải quyết thất nghiệp. Tư vấn giới thiệu việc làm, chính sách lao động; hướng dẫn người lao động hoàn thiện thủ tục xuất cảnh cho người lao động. Cụ thể:

- Đến hết ngày 31/8/2022, tỉnh Bắc Ninh đã hoàn thành 100% kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổng số lao động đủ điều kiện được phê duyệt 163.619 lao động; kinh phí đã giải ngân hỗ trợ 199,5 tỷ đồng.

- Kết quả chính sách hỗ trợ người lao động đang làm việc: Số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện được phê duyệt là: 151.223 lao động với kinh phí hỗ trợ 181,5 tỷ đồng.

- Kết quả chính sách hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường lao động: Số người lao động quay trở lại thị trường lao động trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện được phê duyệt là: 12.396 lao động với kinh phí hỗ trợ 18 tỷ đồng.

- Kết quả rà soát, tổ chức thực hiện sau ngày 15/8/2022: Theo tổng hợp của các huyện, thành phố đến hết ngày 15/8/2022, tỉnh Bắc Ninh đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị của 2.358 lượt doanh nghiệp với 163.619 lao động được phê duyệt và hỗ trợ kinh phí tiền thuê nhà. Sau ngày 15/8/2022 các huyện, thành phố chưa nhận được đề nghị của doanh nghiệp về người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ mà chưa được hỗ trợ.

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo; hướng dẫn các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện quy định mới về chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em; kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Đẩy mạnh các hoạt động, công tác phòng chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

9.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Ngành y tế tiếp tục chủ động, thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh; tăng cường theo dõi, hướng dẫn và tổ chức giám sát, phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh, các ổ dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh để triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh theo diễn biến cấp độ dịch; Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện phân tuyến điều trị, phân luồng khám bệnh, sàng lọc bệnh; Đảm bảo công tác thu dung, cách ly, điều trị, cấp cứu bệnh nhân, đặc biệt đối với các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm; thực hiện nghiêm túc việc kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng lây nhiễm chéo, không để lây lan và bùng phát dịch tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đảm bảo công tác y tế tại: Giải bóng đá truyền thống Đoàn Khối lần thứ VII, năm 2022; Kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia năm học 2022-2023; Chương trình giao lưu đồng diễn thể dục dưỡng sinh các Câu lạc bộ Người cao tuổi năm 2022; Giải Bóng chuyền nữ Quốc tế Cúp LienVietPostBank 2022.

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm gây dịch, đặc biệt là các dịch, bệnh mới được quan tâm triển khai thực hiện. Trong tháng đã ghi nhận 122 trường hợp sốt xuất huyết Dengue, 42 trường hợp mắc tay chân miệng, 302 trường hợp mắc cúm mùa, 59 trường hợp mắc bệnh do vi rút Adeno.

- *Công tác tiêm chủng:*

+ Tính đến hết ngày 14/10/2022 toàn tỉnh đã triển khai tiêm 4.407.064 liều vắc xin Covid-19 cho các đối tượng người dân trên 18 tuổi, trẻ từ 5-17 tuổi,

công nhân trong và ngoài khu công nghiệp (bao gồm cả những người đang cư trú trên địa bàn và không cư trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh). Trong đó: Số người từ 18 tuổi được tiêm đủ 2 mũi cơ bản là 1.152.435 liều, đạt tỷ lệ 98,9%; mũi 3 là 827.470 người đạt tỷ lệ 78,0%; mũi 4 là 312.730 người đạt tỷ lệ 75,9%; số người từ 12 đến 17 tuổi được tiêm đủ 2 mũi cơ bản là 115.738 người, đạt tỷ lệ 98,4%; mũi 3 là 97.064 người đạt tỷ lệ 85,3%. Số trẻ từ 5 đến 11 tuổi tiêm ít nhất 1 mũi là 171.466 trẻ, đạt tỷ lệ 99,9%; số trẻ tiêm 2 mũi là 154.804 trẻ, đạt tỷ lệ 90,6%; Tính đến ngày 14/10/2022 số mũi tiêm đã được ý số xác nhận để cấp hộ chiếu vắc xin trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là 4.406.376 mũi tiêm.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng để trẻ được tiêm chủng đầy đủ, đúng quy định, đúng kế hoạch đã đề ra. Đảm bảo trẻ em dưới 1 tuổi và phụ nữ có thai trên địa bàn tỉnh được tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, đạt tỉ lệ tiêm chủng các mũi vắc xin MR, DPT, Viêm não Nhật Bản, Uốn ván cho phụ nữ có thai, cụ thể: Tổng số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trong kỳ 978 trẻ; số phụ nữ mang thai được tiêm đủ mũi uốn ván là 1.672 người.

- Công tác phòng chống HIV/AIDS: Trong tháng không phát hiện trường hợp HIV dương tính mới. Tổng số người nhiễm HIV/AIDS hiện quản lý được trên địa bàn là 897 người; Số người nhiễm HIV có thẻ BHYT là 819 người (91,3%); Số mắc AIDS là 47 người, số được quản lý là 17 người.

- Công tác Dân số - KHHGD và bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

+ Tính đến hết tháng 9, tổng số trẻ sinh ra là 9.696 trẻ (giảm 2.666 trẻ so với cùng kỳ), trong đó có 5.285 trẻ sinh ra là nam, 4.411 trẻ sinh ra là nữ, 2.720 trẻ sinh là con thứ 3 trở lên.

+ Tỷ lệ sàng lọc trước sinh: 81,0%; Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh: 78,0%.

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai: 99,9%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần/3 kỳ đạt 98,6%;

+ Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh đạt 67,8%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500gram: 5,8%.

- Tình hình hoạt động khám chữa bệnh y tế công lập: Trong tháng, tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh: 181.734 lượt (cao hơn 46.265 lượt so với cùng kỳ năm trước), trong đó số lượt khám chữa bệnh tại Trạm Y tế 38.948 lượt; Điều trị nội trú 17.884 lượt; Chuyển tuyến nội trú: 415 lượt; Chuyển tuyến ngoại trú: 3.674 lượt; Tổng số ca phẫu thuật: 2.677 ca, phẫu thuật có chuẩn bị: 1.323 ca.

- Công tác an toàn thực phẩm: Trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát đảm

bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đã tiến hành kiểm tra: 190 cơ sở SXKD thực phẩm, trong đó có 147 cơ sở đạt yêu cầu (chiếm 77,4%), không đạt yêu cầu 43 cơ sở (chiếm 22,6%).

9.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

Giáo dục và đào tạo: Trong tháng, ngành giáo dục tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiểm tra các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học; tổ chức thi tuyển chọn Đội tuyển học sinh giỏi quốc gia năm học 2022-2023 và chỉ đạo bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia theo kế hoạch; tiếp tục chỉ đạo công tác phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo an ninh, an toàn trường trường học theo kế hoạch năm học; tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức các hoạt động thi đua chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; hướng dẫn và phối hợp chỉ đạo tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp năm học 2022- 2023.

Đến nay, các trường phổ thông đang chuẩn bị tiến hành việc kiểm tra đánh giá kiến thức học sinh thời điểm giữa học kỳ 1 của năm học. Chuẩn bị tốt các phương án kiểm tra nhằm đạt được kết quả tốt, bảo đảm an toàn, nghiêm túc việc kiểm tra giữa kỳ 1 năm học 2022-2023.

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN): Trong tháng 10 đã được triển khai bảo đảm kế hoạch. Các đề tài, dự án KH&CN đang được triển khai đúng tiến độ. Hoạt động thông tin KH&CN tiếp tục được duy trì, cập nhật thường xuyên nhằm tuyên truyền, phổ biến các thành tựu về KH&CN phục vụ sản xuất và đời sống.

9.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình

a) Hoạt động văn hóa

- Trong tháng ngành chức năng đã thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, với nhiều hình thức: Cổ động trực quan, thông tin lưu động, biểu diễn văn nghệ, như tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm Ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10), Ngày Giải phóng Thủ đô Hà Nội (10/10), Ngày truyền thống Công tác dân vận của Đảng (15/10), Ngày truyền thống Hội Thanh niên Việt Nam (15/10); tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Nhà hát quan họ tỉnh, đã tổ chức thành công 04 buổi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị; tập trung luyện tập chương trình nghệ thuật mới “Trương Chi”; Trung tâm Văn hóa tỉnh, tổ chức 08 buổi tuyên truyền lưu động và 45 buổi chiếu phim lưu động phục vụ nhiệm vụ chính trị; ghi hình 02 chuyên đề tuyên truyền với chủ đề “Thích ứng linh hoạt với Covid-19 góp phần kiểm soát

dịch” và “An toàn giao thông”; xây dựng Kế hoạch tổ chức “Hội thi Tuyên truyền lưu động tỉnh Bắc Ninh lần thứ XII” năm 2022; tiếp tục triển khai hướng dẫn thí điểm mô hình tổ chức hoạt động “Nhà văn hóa khu dân cư kiểu mẫu”.

- Thư viện tỉnh biên soạn Thư mục tháng 9 dạng số hóa với 106 tin; lập danh mục thư mục sách kho Địa chí: 2.041 tên; thực hiện nhiệm vụ khoa học: hoàn thiện Báo cáo đánh giá “*Điều tra, khảo sát thực trạng ứng dụng khoa học công nghệ trong hệ thống thư viện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*”; triển khai Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học “*Xác định nhu cầu, đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong hệ thống thư viện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*”; thực hiện tốt công tác phục vụ bạn đọc³; tiếp đón học sinh các trường đến tham quan, trải nghiệm các hoạt động tại Thư viện: Trường Mầm non Doraemon (80 học sinh), trường Mầm non Phương Nga (40 học sinh);

- Bảo tàng tỉnh, trong tháng đã đón tiếp 5.484 lượt khách thăm quan tại Bảo tàng và 3.636 lượt khách thăm quan trưng bày lưu động tại huyện Gia Bình và huyện Yên Phong⁵; sưu tầm được 09 hiện vật, 01 cuốn sách; hoàn thiện kế hoạch, lập dự toán hiện vật mua đổi năm 2022; hoàn thiện thủ tục xin phép chuyển địa điểm khai quật khảo cổ học từ địa bàn huyện Quế Võ sang địa điểm chùa Đông Lâm, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình; hoàn thành kế hoạch tu sửa hiện vật năm 2022;

- Công tác Bảo tồn di tích, báo cáo thẩm tra phương án tu bổ, tôn tạo đối với 25 di tích, đến nay đã có tổng 33 di tích được hỗ trợ kinh phí; tiếp tục hỗ trợ các địa phương thiết kế hồ sơ tu bổ các di tích được hỗ trợ; hoàn thành công tác giám sát thi công dự án Cải tạo và mở rộng Khu lưu niệm Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ; hoàn thành công tác giám sát tại hiện trường di tích đền Gia Phú. Hoàn thiện hồ sơ bảo vật quốc gia Tháp Đồng Đông Sơn; tiếp tục triển khai công tác xếp hạng đối với các di tích; công tác tuyên truyền, phát huy giá trị di tích được thực hiện tốt, tại các điểm di tích đã đón và thuyết minh giới thiệu cho 07 đoàn khách.

b) Thể dục thể thao

- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh, đã xây dựng hồ sơ về hợp đồng tài trợ, định hướng phối hợp công tác đào tạo, phát triển thành tích cao môn Quần vợt với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka; đăng ký lực lượng VĐV tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần IX năm 2022. Quyết định thành lập đội tuyển tham gia thi đấu giải quốc gia môn Đâu Kiếm, đạt 02 HCV, 06 HCB, 05 HCD. Cử đội tuyển thể thao đi tập huấn, thi đấu cọ sát nâng cao trình độ chuyên

môn ở trong nước và nước ngoài chuẩn bị tham dự Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022; Tham mưu hồ sơ tổ chức Giải Vô địch Karate tỉnh Bắc Ninh mở rộng năm 2022 và Giải Bóng chuyền nữ Cúp LienVietPostBank năm 2022. Phối hợp tổ chức thành công Hội thao ngành Thuế tỉnh Bắc Ninh.

- Trung tâm Đào tạo Bóng chuyền tỉnh, đã triệu tập bổ sung 02 VĐV lên đội tuyển tỉnh, 05 VĐV lên đội tuyển trẻ, lựa loại 02 VĐV đội tỉnh; tham gia thi đấu Giải trẻ Cúp Câu lạc bộ Quốc gia năm 2022, từ ngày 27/9-15/10 tại tỉnh Bắc Kạn.

9.5. An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:

- Quân sự: Các đơn vị duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật; tuần tra canh gác, KSQS bảo đảm an toàn. (nhất là trong kỳ họp Quốc hội lần thứ VI, khóa XIII). Phục vụ Quân khu kiểm tra công tác diễn tập KVPT tỉnh, kết quả đạt tốt. Bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, công tác xăng dầu vận tải cho các nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị an toàn tuyệt đối.

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục ổn định. Lực lượng Công an tỉnh đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể giải quyết tốt những vấn đề nổi lên về ANTT ngay từ đầu và tại địa bàn cơ sở. Công tác đấu tranh phòng chống, tội phạm: *Phạm pháp hình sự*: Xảy ra 46 vụ (so với tháng 9/2022 tăng 02=4,5%), làm 03 người chết, 05 người bị thương; điều tra làm rõ 37 vụ, 62 đối tượng, đạt tỷ lệ điều tra 80,4%; *Cờ bạc*: Bắt giữ 08 vụ, 74 đối tượng (so với tháng 9/2022 tăng 01 vụ), thu giữ 287,1 triệu đồng tiền mặt, làm rõ số tiền các đối tượng giao dịch khoảng 160 triệu đồng. Khởi tố 08 vụ, 66 bị can; XLHC 08 đối tượng; *Mại dâm*: Bắt giữ 02 vụ, 09 đối tượng (so với tháng 9/2022 tăng 01 vụ); khởi tố 02 vụ, 03 bị can; *Tội phạm về kinh tế tham nhũng, buôn lậu*: Phát hiện, xử lý mới 33 vụ việc, 52 đối tượng, so với tháng 9/2022 tăng 08 vụ, 19 đối tượng. Trong đó khởi tố 11 vụ, 30 bị can; xử lý hành chính 21 vụ, 21 đối tượng, số tiền phạt 199,1 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh, lập hồ sơ xử lý 01 vụ, 01 đối tượng. Ngoài ra, làm rõ 07 vụ từ các tháng trước, xử phạt hành chính 07 đối tượng, số tiền phạt 150 triệu đồng; *Tội phạm về ma túy*: Phát hiện, bắt giữ 45 vụ, 52 đối tượng mua bán, vận chuyển, tàng trữ, tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy (so với tháng 9/2022 tăng 02 vụ, giảm 83 đối tượng); thu giữ 1179,27g heroin, 50,4744 gam MTTH. Lập hồ sơ khởi tố 38 vụ, 47 bị can; còn lại xử lý hành chính. Hiện có 738 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, so với tháng 9/2022

giảm 34 người; *Vi phạm pháp luật về môi trường*: Kiểm tra, phát hiện 31 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (so với tháng 9/2022 tăng 06 vụ). Đã xác minh làm rõ, xử phạt hành chính 28 vụ, phạt 06 tổ chức, 22 cá nhân, số tiền phạt 186,5 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh làm rõ 03 vụ. Ngoài ra, làm rõ 05 vụ từ các tháng trước; xử phạt VPHC 05 cá nhân, số tiền phạt số tiền phạt 33 triệu đồng.

Tình hình an toàn giao thông: Trong tháng, xảy ra 08 vụ TNGT, làm chết 06 người, bị thương 04 người. So với tháng 9/2022, tăng 03 vụ, tăng 03 người chết, tăng 04 người bị thương. Tổ chức thí điểm triển khai phân cấp công tác đăng ký xe về Công an 34 xã từ ngày 01/10/2022. Phát hiện, xử phạt 2.154 trường hợp, với số tiền gần 5,2 tỷ đồng, tước GPLX có thời hạn 1.046 trường hợp (trong đó, xử phạt qua hệ thống camera giao thông 43 trường hợp, với số tiền gần 196 triệu đồng).

9.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH): Trong tháng, xảy ra 01 cháy, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 100 triệu đồng (so với tháng 9/2022 giảm 01 vụ, giảm 80 triệu đồng). Ngành chức năng đã triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả tháng cao điểm an toàn về PCCC, tập trung kiểm tra các cơ sở có nguy cơ cháy, nổ cao. Triển khai đợt cao điểm tổng rà soát, kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH đối với 100% cơ sở thuộc diện quản lý nhà nước về PCCC. Kết quả: phát hiện, xử lý 292 cơ sở vi phạm, với số tiền gần 2,3 tỷ đồng; đình chỉ hoạt động 01 cơ sở, tạm đình chỉ hoạt động 01 cơ sở. Cấp 08 giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC; nghiệm thu 26 dự án, công trình về PCCC. Tổ chức 167 lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho trên 7.000 người.

Công tác bảo vệ môi trường, trong tháng, kiểm tra, phát hiện 31 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (so với tháng 9/2022 tăng 06 vụ). Đã xác minh làm rõ, xử phạt hành chính 28 vụ, phạt 06 tổ chức, 22 cá nhân, số tiền phạt 186,5 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh làm rõ 03 vụ. Ngoài ra, làm rõ 05 vụ từ các tháng trước; xử phạt VPHC 05 cá nhân, số tiền phạt số tiền phạt 33 triệu đồng.

Khái quát lại: Trong 10 tháng qua, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp và xuất hiện thêm các yếu tố, động thái mới liên quan đến cạnh tranh địa chiến lược và xung đột Nga-Ukraine, lạm phát cao ở nhiều quốc gia; giá cả nguyên vật liệu cao, chưa ổn định. Bên cạnh đó ở trong nước và trên địa bàn

tình tiếp tục xử lý các nhiệm vụ tồn đọng như các dự án, công trình đầu tư vốn ngân sách Nhà nước còn chậm, đội vốn .vv... Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các cấp, các ngành đã chỉ đạo, điều hành, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát thực tiễn biến động nhanh của tình hình để có giải pháp linh hoạt, phù hợp. Do đó tình hình kinh tế tiếp tục có một số kết quả nổi bật như sau: (1) Tiếp tục kiểm soát tốt dịch bệnh, bảo vệ, chăm lo sức khỏe cho người dân dù dịch bệnh hiện nay vẫn diễn biến khá phức tạp; (2) Các cân đối lớn được đảm bảo tốt như thu - chi ngân sách Nhà nước (thu ngân sách 10 tháng đạt 89,5% dự toán, giảm 4,9% so với cùng kỳ 2021, tuy nhiên vẫn bội thu ngân sách); xuất, nhập khẩu (xuất khẩu 9 tháng đạt 34,3 tỷ USD, tăng 8,8%, xuất siêu 4,3 tỷ USD); đảm bảo đủ điện, năng lượng và xăng, dầu trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp tiếp tục phát triển, cung - cầu lao động trong tỉnh được bảo đảm, thị trường lao động phục hồi tương đối tốt; (3) Kinh tế tiếp tục phục hồi. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giữ ổn định; sản xuất công nghiệp phục hồi, chỉ số IIP 10 tháng tăng 10,27%; thương mại dịch vụ sôi động phục hồi rất nhanh ở hầu hết các ngành: Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ 10 tháng đạt 69.104 tỷ đồng, tăng rất cao 39,1% so với cùng kỳ năm 2021; (4) Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước 10 tháng đạt 4.599 tỷ đồng, bằng 61,1% kế hoạch, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2021. Thu hút vốn FDI thực hiện 10 tháng đạt 1,76 tỷ USD tăng gấp gần 3 lần; (5) Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khá tích cực; số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động 10 tháng đầu năm là 2.913 doanh nghiệp (gấp 1,9 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường); (6) Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng, đời sống của người dân tiếp tục được cải thiện. Các hoạt động chăm lo đối tượng chính sách, người nghèo, người lao động được tỉnh triển khai tích cực, hiệu quả; (7) Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, kịp thời xử lý các vấn đề an ninh, trật tự phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế của tỉnh còn có những khó khăn, thách thức và những hạn chế, bất cập như: (1) Tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, sức ép lạm phát cao; giải ngân đầu tư công trong tỉnh chậm được cải thiện, chưa có giải pháp đột phá; (2) Thu hút FDI chưa được như kỳ vọng. (3) Hoạt động kinh doanh một số lĩnh vực còn khó khăn, số doanh nghiệp rút lui và giải thể còn tăng cao so với cùng kỳ, 10 tháng có 1.541 doanh nghiệp rút khỏi thị trường, tăng 42,7% so với cùng kỳ năm trước (*trung bình 154 doanh nghiệp/1 tháng*); (4) Tốc độ phục

hồi sản xuất công nghiệp có xu hướng chậm lại; (5) Dịch Covid-19 vẫn tồn tại với sự xuất hiện của biến thể mới, nguy cơ bùng phát dịch cúm A, sốt xuất huyết, đậu mùa khi;...

Những tháng còn lại của năm 2022, thách thức nhiều hơn là cơ hội và thuận lợi, do đó tỉnh Bắc Ninh cần phải tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các chương trình, kế hoạch đã xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; nắm bắt kịp thời tình hình, có giải pháp ứng phó hiệu quả với những diễn biến mới./.

Nơi nhận:

- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Vụ TKTH (TCTK);
- Sở KHĐT, Sở Tài chính, NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh); Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng thuộc CQ Cục;
- Chi cục Thống kê các H,TP;
- Lưu: TKTH,VT.

Q. CỤC TRƯỞNG

Vũ Minh Giang